

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-PT

Ngày: 08-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2020/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn M (M Lắc), sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Lê Thị T (chết); vợ Trần Thị Kim P, bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 12/HSST ngày 12 tháng 5 năm 1988 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 15 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành hình phạt được 07 tháng 08 ngày thì bỏ trốn. Tại Bản án số 22/HSST ngày 03 tháng 11 năm 1993, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 24 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt là 31 tháng 22 ngày tù. Chấp hành án đến ngày 24 tháng 6 năm 1994 thì bỏ trốn và bị truy nã đến ngày 04 tháng 01 năm 1998 thì bị bắt giữ. Tại Bản án số 14/HS-ST ngày 31 tháng 7 năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xử phạt 18 tháng tù về “Tội trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt của hai bản án là 35 tháng 28 ngày. Tại Bản án số 84/HSPT ngày 09 tháng 6 năm 2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2020, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát xxBx-xxx.xx của Nguyễn Thị Hoàng Y lưu thông trên đường thuộc ấp A, A T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì phát hiện trên ba ga trước xe mô tô biển kiểm soát xxHx-xxxx của chị Phạm Thị Thúy K có để một túi xách nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, M chạy xe bám sát phía sau, đến lộ bê tông thuộc ấp A, A T, M chạy xe vượt qua chị K và quay đầu xe đi bộ lại, do đường hẹp nên chị K giảm tốc độ chạy chậm lại, M nhanh chóng dùng tay giật túi xách của chị K bên trong có số tiền 5.400.000 đồng và một cái bóp đựng một số giấy tờ tùy thân rồi nhanh chóng lên xe tẩu thoát. Trên đường tẩu thoát đến khu vực ấp AV, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, M lấy số tiền 5.400.000 đồng cất giữ, các tài sản còn lại và giấy tờ tùy thân của chị K vứt bỏ bên đường. Số tiền chiếm đoạt M đưa cho vợ Trần Thị Kim P 535.000 đồng, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 23 tháng 7 năm 2020 M đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đầu thú.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát xxBx-xxx.xx 535.000 đồng tiền Việt Nam, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ. Riêng đối với túi xách, 01 cái bóp cùng giấy tờ tùy thân khác của chị K không thu hồi được.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 Hội đồng định giá tài sản huyện MỎ Cày Nam có kết luận số 24/KL-HĐĐG xác định 01 túi xách được đan bằng cọng nhựa và 01 bóp da nữ còn giá trị sử dụng nhưng không có giá trị định giá.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp số tiền chiếm đoạt 4.865.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Cơ quan điều tra Công an huyện M đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Hoàng Y 01 xe mô tô biển kiểm soát xxBx-xxx.xx và 01 mũ bảo hiểm màu đỏ; trả cho chị Phạm Thị Thúy K tổng số tiền 5.400.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2020/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm “Tội cướp giật tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án; Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/12/2020, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”.

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt do bị cáo bị bệnh tiểu đường, cao huyết áp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: khoảng 15 giờ ngày 11 tháng 4 năm 2020, tại ấp A , A T , huyện M , tỉnh Bến Tre, Nguyễn Văn M đã thực hiện hành vi cướp giật của chị Phạm Thị Thúy K một túi xách bên trong có số tiền 5.400.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị Tòa án kết án về “Tội trộm cắp tài sản”, “Tội trốn khỏi nơi giam giữ” và “Tội đánh bạc” nhưng không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội mới ngày càng nghiêm trọng hơn, nguy hiểm hơn. Điều đó đã minh chứng rằng, bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực

trạng tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cướp giật tài sản”; Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3- Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện M (3b);
- Công an và VKSND h. Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, h. Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn